

Bản án số: 74/2017/HNGĐ - ST
Ngày: 28/7/2017
V/v ly hôn giữa chị Thu và anh
PARK RAECHOL

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Ngọc Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Huy Hoàng
2. Ông Trần Đăng Khoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Khánh Sơn – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 28 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 86/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2017 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1157/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thu, sinh năm 1994; địa chỉ: Tổ 12 phường Hòa Nghĩa, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng; có mặt.
2. *Bị đơn:* Anh PARK RAECHOL, sinh năm 1977; hiện cư trú: 291 Yongbong-dong, Gwangsan-gu, Kwangju-si, Hàn Quốc; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 02 năm 2017 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thu trình bày: Chị và anh PARK kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Hàn Quốc vào ngày 14 tháng 3 năm 2016 và có ghi chú kết hôn tại Ủy ban nhân dân quận Dương Kinh vào ngày 08/4/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì anh PARK về nước, do công việc bận và xa cách địa lý, lại bất đồng ngôn ngữ nên cả hai vợ chồng không có điều kiện quan tâm nhau. Bản thân chị không có điều kiện sang Hàn Quốc để đoàn tụ dẫn đến mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng dần dần không còn nữa. Do khả năng đoàn tụ không có, chị đề nghị được ly hôn với anh PARK RAECHOL.

Về con chung và tài sản chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai của bị đơn gửi về Tòa án, anh PARK trình bày: Anh thống nhất về quá trình kết hôn, lý do xin ly hôn do bất đồng ngôn ngữ, khả năng đoàn tụ không có. Về con chung, tài sản chung: Vợ chồng không có con chung và tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh PARK ở nước ngoài nên theo khoản 2 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án không tiến hành hòa giải được, trong quá trình giải quyết vụ án anh đề nghị được xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thu vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn vì chị cho rằng vợ chồng không có khả năng đoàn tụ. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh PARK RAECHEOL.

Về con chung và tài sản chung: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thu và anh PARK cùng có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết việc ly hôn của anh chị. Theo quy định tại khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 37; điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Bị đơn hiện đang cư trú tại Hàn Quốc vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thu và anh PARK kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được ghi chú kết hôn tại Ủy ban nhân dân quận Dương Kinh vào ngày 08/4/2016, theo quy định tại Điều 8; Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì anh PARK quay về Hàn Quốc. Nhưng do xa cách về địa lý, bất đồng ngôn ngữ nên hai vợ chồng không có điều kiện quan tâm lẫn nhau. Bản thân chị Thu không có điều kiện sang Hàn Quốc để vợ chồng đoàn tụ, nay tình cảm không còn. Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thu và anh PARK mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đề nghị ly hôn của chị Nguyễn Thu.

[3]. Về con chung và tài sản chung: Chị Thu và anh PARK không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Thu là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5]. Về quyền kháng cáo: Chị Thu và anh PARK được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 273; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thu.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thu được ly hôn anh PARK RAECHOL.

2. Về con chung và tài sản chung: Chị Nguyễn Thu và anh PARK không có con chung và tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thu phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai số 0003794 ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thu đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

+ Anh PARK được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

+ Chị Nguyễn Thu được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND quận Dương Kinh;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: TDS, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Ngọc Dũng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Đăng Khoa Đỗ Huy Hoàng

Lương Ngọc Dũng